

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 361/2023/HC-PT

Ngày: 26 - 5 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý Nhà nước về
đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tân

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 962/2022/TLPT-HC ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 789/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Võ Diệu A, sinh năm 1949 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X1, xã X1, huyện X2, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc K - sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp 1, xã X3, thành phố X, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Huỳnh

Mỹ S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện X2.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2.

Đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2 và Ủy ban nhân dân huyện X2: Ông Nguyễn Phương B – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2 (Theo giấy ủy quyền số 37/UQ-UBND ngày 10/5/2021, có mặt).

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn X2, huyện X2, tỉnh Cà Mau.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 02, Hùng Vương, phường 5, thành phố X, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau:

+ Ông Đỗ Quang H1 – Phó Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Ông Lê Văn M – Phó phòng quản lý đất đai, sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau (có mặt)

Cùng địa chỉ: Lô 7C, đường X4, phường 5, thành phố X, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Khải H2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X1, xã X1, huyện X2, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H2: Bà Huỳnh Mỹ S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã X1.

Người đại diện: Ông Lê Quốc B1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X1 (có mặt).

Địa chỉ: Xã X1, huyện X2, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Lê Tấn P (vắng mặt).
4. Ông Trần Văn L (vắng mặt).
5. Ông Trần Văn H3 (vắng mặt).
6. Ông Nguyễn Quốc C1 (vắng mặt).
7. Ông Võ Văn C2 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X1, xã X1, huyện X2, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện trình bày: Phần đất diện tích 12.000 m² có nguồn gốc đất là của ông bà cho cha chồng bà là ông Lê Thanh N. Cụ N cho lại vợ chồng bà, cụ N và vợ chồng bà sử dụng từ năm 1970 đến năm 2003 thì ngưng do không còn đường công sở, trong 12.000m² có khoảng 1.000m² đất nghĩa trang có từ trước đó, năm 1985 nghĩa trang di dời, địa phương có động viên vợ chồng bà đắp đất bao bọc phần đất để ngăn mặn, giữ ngọt cho các phần đất bên trong trồng lúa. Phần đất này cụ N đã đăng ký sổ mục kê vào năm 1990 và đã đóng thuế từ năm 1992. Năm 2002, ông Lê Tấn P phát sinh tranh chấp, có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, sau đó không tranh chấp nữa.

Năm 2010, bà yêu cầu được cấp quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện X2 ban hành thông báo số 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 với nội dung hồ sơ của bà không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do đất đang tranh chấp và không phù hợp với quy hoạch. Bà khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện X2 ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 không chấp nhận khiếu nại của bà và giữ nguyên thông báo số 120 với nội dung: Phần đất diện tích 10.252,4m² là đất xây dựng nghĩa trang, thời gian quản lý sử dụng của vợ chồng bà là không liên tục, có tranh chấp và không phải là người đang sử dụng đất. Bà tiếp tục khiếu nại và Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 giải quyết công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện X2 với lý do nguồn gốc đất đã được nhà nước quản lý sử dụng làm nghĩa trang từ năm 1961, việc sử dụng đất của hộ bà A từ năm 1986 đến năm 1995 là khai phá đất hoang do nhà nước quản lý để ngăn mặn, giữ ngọt và nuôi tôm, do phần đất này tiếp giáp với phần đất phía trong của gia đình.

Nay bà khởi kiện yêu cầu hủy:

- Thông báo số 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của UBND huyện X2 (Viết tắt là thông báo số 120)

- Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện X2 (Viết tắt là Quyết định số 08).

- Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau (Viết tắt là Quyết định số 575).

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện X2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2 trình bày: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A, việc ban hành Thông báo số 20 và Quyết định số 08 là thực hiện đúng trình tự thủ tục vì bà A không đủ điều kiện đề cấp quyền sử dụng đất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cung cấp công văn số 7557/UBND-NC ngày 31/12/2020 nội dung báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại: Theo văn bản báo cáo số 688 của Sở Tài nguyên và Môi trường có nội dung nguồn gốc đất của gia đình ông Lê Khải H2 và ông Lê Tấn Phong, trong thời kỳ chiến tranh không ai quản lý, sử dụng. Năm 1961, nhà nước có sử dụng 1.000m² làm nghĩa trang liệt sĩ. Năm 1986 gia đình bà A bao di phần đất này ngăn mặn, giữ ngọt, đến năm 1995 phát sinh tranh chấp với gia đình ông P nhưng gia đình ông H2 (bà A) vẫn tiếp tục sử dụng đến năm 2002 không sử dụng do không còn đường nước xô vuông, việc tranh chấp được Ủy ban xã hòa giải nhưng không thành, sau đó không có ai tiếp tục yêu cầu giải quyết.

Do gia đình bà A không quản lý sử dụng từ năm 2003 đến nay và nhà nước đã sử dụng vào năm 1961. Năm 2004, đã quy hoạch làm khu hành chính của xã nên Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 giải quyết công nhận và giữ nguyên Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện X2.

Ông Lê Tấn P có ý kiến tại biên bản ngày 29/7/2016 : Nguồn gốc đất là của cha ông là cụ Lê Công Chức hiến cho nhà nước làm nghĩa trang, đất này không thể cấp cho ông H2, phải để cho Nhà nước quản lý phục vụ công cộng.

Ông Trần Văn H3 trình bày: Ông làm nhà trên đất vào năm 1998 có hỏi ý kiến của ông N, cha chồng bà A và có sự đồng ý của ông P. Vào năm 1998 thì gia đình ông N đang làm vuông tôm trên đất.

Bà Lê Hồng Thắm (Vợ ông Nguyễn Quốc C1 trình bày): Gia đình bà làm nhà ở vào năm 1999 do ông P kêu làm (ông P là bác ruột).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu A.

- Hủy Thông báo số 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện X2.

- Hủy Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2.

- Hủy Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2022, Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu A, giữ nguyên Quyết định số 08/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện X2 về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Diệu A (lần 1) và Thông báo số 120/TB-UBND ngày 05/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện X2 về việc hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 25/10/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu A, giữ nguyên Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện X2 và UBND huyện X2 có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Phương B, Phó Chủ tịch UBND huyện X2, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là ông Lê Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu A về yêu cầu hủy Thông báo số 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của UBND huyện X2, Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện X2 và Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau; Với các lý do:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Lê Văn U khai phá sử dụng, đến năm 1961 hiến cho Nhà nước xây dựng nghĩa trang liệt sỹ. Năm 1986, di dời nghĩa trang về huyện Năm Căn, lúc này gia đình ông Lê Khải H2 bao chiếm sử dụng. Năm 1998, bà Phan Thị Sầm (Xầm) và ông Lê Thanh Phong (dâu và con cháu ông Lê Văn U) yêu cầu tranh chấp phần đất này với ông Lê Thanh N (cha của ông Lê Khải H2), UBND xã X1 có hòa giải tranh chấp đất đai nhưng không thành. Gia đình ông Lê Khải H2 và bà Võ Diệu A tiếp tục sử dụng đến năm 2002 thì ngừng sản xuất do không còn đường nước xỏ. Năm 2003, ông Lê Thanh Phong tiếp tục yêu cầu tranh chấp với ông Lê Khải H2 đòi lại phần đất này, vụ việc được UBND xã X1 hòa giải, ông P thống nhất giao lại cho UBND xã X1, UBND xã X1 quản lý từ đó đến nay, qua các lần thành lập lại bản đồ địa

chính khu đất này trong Sổ Mục kê là “nghĩa trang”. Thửa đất số 10 lúc thành lập bản đồ địa chính lần đầu của huyện X2 vào khoảng năm 1989-1990 tồn tại song song 02 sổ Mục kê: 01 sổ mục kê đứng tên ông Lê Thanh N và 01 sổ Mục kê đứng tên ông Tô Huy P1, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét sổ mục kê cấp cho ông N.

Qua xác minh cho thấy gia đình ông Lê Khải H2 và bà Võ Diệu A đã không trực tiếp sản xuất, sử dụng đất liên tục, ổn định; phần đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tranh chấp và chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm.

Như vậy, UBND huyện X2 và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tiếp nhận và xử lý hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Diệu A đã thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính.

Người khởi kiện bà Võ Diệu A, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc K và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp là bà Huỳnh Mỹ S thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi lẽ:

Về nguồn gốc đất, cấp sơ thẩm cũng đã xác minh nhiều hộ dân ở địa phương như hộ ông Lê Văn G1, ông Phạm Văn G2, đã xác nhận: Trước đây khoảng năm 1961 là đất nghĩa trang khoảng 1.000m², đến năm 1987 nghĩa trang di dời, UBND xã động viên ông H2 bao ví ngăn mặn để trồng lúa. Như vậy, ngoài phần bao ví 1.000m² thì trước đó ông H2 đã có một phần đất tự khai phá riêng là khoảng 11.000m², nên cộng thêm phần đất nghĩa trang 1.000m² nữa, thì mới có diện tích là khoảng 12.000m² như trong đơn ông H2 yêu cầu cấp quyền sử dụng đất trước đây.

Đến thời điểm bà A yêu cầu cấp quyền sử dụng từ năm 2012 đến nay không ai tranh chấp quyền sử dụng đất với bà A. UBND xã X1 cũng không trực tiếp sử dụng, chỉ có ý kiến là UBND huyện quy hoạch khu hành chính nhưng Chủ tịch UBND huyện cũng không cung cấp hồ sơ liên quan đến quy hoạch. Nội dung của Quyết định số 08 và Quyết định số 575 cũng ghi nhận gia đình bà A đã canh tác sử dụng từ năm 1986.

Mặt khác, theo Quyết định số 08, Chủ tịch UBND huyện vừa cho rằng do UBND xã đang quản lý, vừa cho rằng đất đang có tranh chấp nhưng không chỉ ra đối tượng tranh chấp. Hiện nay không ai có ý kiến gì đối với việc bà A yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc UBND cho rằng đất đang tranh chấp là không đúng, không có cơ sở.

Gia đình ông P không có quyền đề quyết định hiến phần đất trên cho UBND xã X1, vì trong các văn bản đều thừa nhận phần đất này là của ông H2,

chưa có văn bản nào thừa nhận là đất của ông P. Thực tế cụ N (cha của ông H2) đã đăng ký phần đất này trong sổ mục kê năm 1990 và đã nộp thuế nông nghiệp năm 1992, 2000. UBND tỉnh Cà Mau cho rằng đất được quy hoạch khu hành chính nhưng không cung cấp hồ sơ liên quan đến quy hoạch. Hiện nay, UBND xã cũng không được cơ quan có thẩm quyền giao phần đất mà bà A đang yêu cầu cấp giấy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Chủ tịch UBND xã X1 là ông Lê Quốc B1 thông nhất ý kiến của người bị kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Diệu A. Hiện nay nhu cầu sử dụng đất của UBND xã X1 quy hoạch phần đất này làm Khu Trung tâm Hành chính xã là cần thiết, phục vụ cho lợi ích công cộng, nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, phần đất bà A yêu cầu cấp quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của cụ Lê Văn U (ông nội của ông Lê Tấn P) hiến cho Nhà nước vào năm 1961 làm nghĩa trang. Năm 1986, nghĩa trang được di dời thì gia đình bà A sử dụng nuôi tôm. Năm 1989, xảy ra tranh chấp với gia đình ông P, gia đình ông P giữ quan điểm hiến đất cho UBND xã X1.

Quá trình giải quyết vụ án có nhiều mâu thuẫn, Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào việc ông N đã đăng ký Sổ mục kê năm 1990 đối với thửa số 10 (diện tích 12.000m²) để cho rằng bà A đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa xác minh làm rõ các biên lai thu thuế do người khởi kiện cung cấp được đóng đối với vị trí, diện tích đất nào mà đã xác định bà Võ Diệu A có đóng thuế đối với phần đất đang đề nghị cấp giấy là không đủ cơ sở. Để giải quyết vụ án được toàn diện, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết lại vụ án theo đúng qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của những người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau; trên cơ sở xem xét đầy

đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tổ tụng:

[1.1] Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Khải H2, ông Lê Tấn P, đều có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Trần Văn L, ông Trần Văn H3, ông Nguyễn Quốc C1, ông Võ Văn C2 vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Bà Võ Diệu A khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của UBND huyện X2, Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện X2 và Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/9/2020, bà A khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 120/TB-UBND ngày 01/7/2019, Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 và Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020, là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Năm 2019, bà Võ Diệu A yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất 12.000m², theo đo đạc thực tế là 7.979,8m² đất tọa lạc tại xã X1, huyện X2, tỉnh Cà Mau. Ủy ban nhân dân huyện X2 ban hành Thông báo số 120/TB-UBND ngày 01/7/2019, Chủ tịch UBND huyện X2 ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019; Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 để giải quyết khiếu nại với nội dung bác yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A, là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều 22, Điều 105, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung của các quyết định:

[2.2.1] Xét nguồn gốc và quá trình trực tiếp quản lý, sử dụng đất:

Phần đất 12.000m², theo đo đạc thực tế 7.979,8m² đất tọa lạc tại xã X1, huyện X2, tỉnh Cà Mau mà bà Võ Diệu A yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng có nguồn gốc của ông Lê Văn U hiến cho Ủy ban nhân dân xã X1 để làm nghĩa trang liệt sĩ từ năm 1961. Đến năm 1986, Ủy ban nhân dân xã X1 di dời nghĩa trang đi nơi khác, đất để hoang nên gia đình ông Lê Thanh N (bố chồng bà A) chiếm đất ngăn mặn, nuôi tôm đến năm 1998 thì xảy ra tranh chấp với gia đình ông U (người hiến đất). Tại Biên bản hòa giải đất nghĩa trang năm 1998 (Bút lục số 179) có nội dung Nhà nước mượn đất từ năm 1961 chưa giao trả lại cho chủ cũ, yêu cầu ông N trả lại đất cho gia đình ông U, ông U trả thành quả cho gia đình ông N. Tuy nhiên, các bên không thực hiện nên ông N vẫn sử dụng đất đến năm 2003 thì tiếp tục xảy ra tranh chấp với gia đình ông U (do ông Lê Tấn P là cháu làm đại diện). Ông P yêu cầu gia đình ông H2, bà A (con ông N) trả lại đất cho Ủy ban vì đất này gia đình ông đã hiến cho Ủy ban. Năm 2004, UBND huyện X2 ban hành quyết định giao phần đất nêu trên cho UBND xã X1 sử dụng vào mục đích phúc lợi thì hộ ông H2, bà A không còn sử dụng nữa.

[2.2.2] Về việc đăng ký, kê khai đất:

Tại Sổ mục kê năm 1990 (Bút lục số 443), ông Lê Thanh N đăng ký đối với các thửa đất bao gồm:

1. Thửa số 7 (diện tích 28.170m²), thửa số 9 (diện tích 3.850m²), hai thửa đất này đã có bản án có hiệu lực pháp luật về việc buộc ông N phải giao trả lại cho ông Diệp (em trai ông N);

2. Thửa số 11 (diện tích 4.180m²) và Thửa số 13 (diện tích 2.880m²), hai thửa đất này gia đình ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

3. Thửa số 10 (diện tích 1.200m²), là thửa đất mà bà Võ Diệu A đang yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào việc ông N đã đăng ký Sổ mục kê năm 1990 đối với thửa số 10 (diện tích 12.000m²) để cho rằng bà A đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế ông N đăng ký thửa số 10 chỉ có diện tích 1.200m². Đồng thời, tồn tại một Sổ mục kê năm 1990 (Bút lục số 593, 594) thể hiện ông Tô Huy P1 đăng ký thửa số 10 với diện tích 1.500m² đất. Như vậy, cần xác minh làm rõ Sổ mục kê năm 1990 (Bút lục số 593, 594) mang tên ông Tô Huy P1 đăng ký thửa số 10 diện tích 1.500m² và Sổ mục kê năm 1990 (Bút lục số 443) mang tên ông Lê Thanh N đăng ký thửa số 10 diện tích 1.200m² thì sổ mục kê nào đúng; cần xác minh làm rõ theo Sơ đồ (Bút lục

số 442) thể hiện thửa số 10 diện tích 12.000m² có vị trí sát sông còn Sơ đồ (Bút lục số 102) thể hiện thửa số 10 diện tích 1.200m² có vị trí sát thửa số 9, số 11, phù hợp với Sổ mục kê năm 1990 (Bút lục số 443). Đồng thời, theo Sổ mục kê, sổ địa chính năm 2005, 2012 thì diện tích đất nêu trên được ghi nhận là đất nghĩa trang do Nhà nước quản lý. Đối với các biên lai thu thuế do người khởi kiện cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ các biên lai này được đóng đối với vị trí, diện tích đất nào mà đã xác định bà Võ Diệu A có đóng thuế đối với phần đất đang đề nghị cấp giấy là không đủ cơ sở.

[2.2.3] Về điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ủy ban nhân dân huyện X2 căn cứ Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ cho rằng trường hợp của ông Lê Khải H2, bà Võ Diệu A không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với lý do ông bà sử dụng đất có nguồn gốc của Nhà nước (đất nghĩa trang cũ), Ủy ban nhân dân xã X1 xác nhận là đất đang có tranh chấp, sử dụng đất không ổn định, không liên tục, đồng thời tại Biên bản họp hội đồng xét cấp đất thể hiện không đủ điều kiện cấp giấy và các Phiếu lấy ý kiến dân cư cũng không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên cho gia đình ông H2, bà A.

Mặt khác, như đã phân tích ở trên thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ các tình tiết còn mâu thuẫn trong vụ án như việc ông Lê Thanh N (bố bà A) đăng ký, kê khai năm 1990 đối với thửa số 10 chỉ có diện tích 1.200m² và không đúng vị trí thửa số 10 (diện tích 12.000m²) mà bà A đang yêu cầu cấp giấy; các biên lai đóng thuế không thể hiện đóng với diện tích đất nào, để làm cơ sở xác định trường hợp sử dụng đất của ông Lê Khải H2, bà Võ Diệu A có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không mà đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, hủy Thông báo số 120/TB-UBND ngày 01/7/2019 của UBND huyện X2, Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện X2 và Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, là chưa đủ căn cứ.

[2.3] Xét thấy, việc xác minh, thu thập chứng cứ trước khi xét xử là cần thiết nhằm giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện, triệt để mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện được trong quá trình xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và chấp nhận một phần kháng cáo của những người bị kiện UBND huyện X2, Chủ tịch UBND huyện X2, Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau; hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí hành chính:

[3.1] Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

[3.2] Án phí hành chính phúc thẩm:

Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên những người bị kiện gồm UBND huyện X2, Chủ tịch UBND huyện X2, Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của những người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm:

Những người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại cho Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, mỗi đương sự số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo theo các Biên lai thu số 0000177, số 0000176 cùng ngày 07/10/2022, số 0000215 ngày 11/1/2022, cùng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Thúy Hồng

Trần Thị Hòa Hiệp

